

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học: 2022-2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Biết thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe với sự giúp đỡ của người lớn - Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở - Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	Thể chất: - 95% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chất vận động ban đầu(nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay – chân - cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp. Tình cảm xã hội: - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc * Nhận thức: - Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc Ngôn ngữ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của	Thể chất: - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Rèn luyện kỹ năng Bé tập làm nội trợ Tình cảm xã hội: - Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ * Nhận thức: - Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán - Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ - Có một số khái niệm sơ đẳng về toán Ngôn ngữ: - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau(lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày

		lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp	- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết * Thẩm mỹ: - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- Chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành	- Chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục		- Kết quả trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển của năm học 2022-2023 : 67/67 tỷ lệ 100% - Được đánh giá đạt tốt về môi trường thân thiện. - Trẻ tham gia các lớp năng khiếu: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Võ, Vẽ.
		- Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 55-60%/calo/ngày. Tỷ lệ giảm dư cân-béo phì(DC-BP): 1/3 đạt 65%	- Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 55-60%/calo/ngày. - Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng(SDD): + SDD thể nhẹ cân : 2/3 đạt 80% + SDD thể thấp còi: 2/3 đạt 80% -Tỷ lệ giảm dư cân, béo phì : 1/3 đạt 65%
		- Thực đơn phù hợp từng lứa tuổi : Có - Tổ chức ăn sáng : Có - Theo dõi về sức khỏe trẻ: +Khám sức khỏe: .Với trẻ: 1 lần/ năm .Với giáo viên: 1 lần/ năm .Với nhân viên : 1 lần/năm. - Tẩy giun: 2 lần/ năm - Uống Vitamin A theo kế hoạch của phường. * Kết quả: Thực hiện theo kế hoạch tốt việc theo dõi sức khỏe trẻ.	

Quận 5, ngày 23 tháng 8 năm 2023


 HIEU TRƯỞNG
 NGUYỄN THANH THÚY

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học: 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Đơn vị tính: trẻ em					
			Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	232			26	70	69	67
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	232			26	70	69	67
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	232			26	70	69	67
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	232			26	70	69	67
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Kênh bình thường				25	66	69	67
2	Số trẻ em suy dinh dưỡng				00	00	00	00
3	Số trẻ em béo phì				01	04	00	00
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Đối với nhà trẻ				26			
2	Đối với mẫu giáo					70	69	67

Quận 5, ngày 23 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN THANH THÚY

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học: 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Tổng số phòng	10	
II	Loại phòng học	10	
	Phòng học kiên cố	10	
III	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	857	
IV	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	270	
V	Tổng diện tích một số loại phòng	533	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	533	
2	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	160	
3	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	85	
VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Theo quy định	Số bộ/nhóm (lớp)
VII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	
VIII	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	10	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	10	
3	Catset		
4	Đầu Video/đầu đĩa		
5	Đồ chơi ngoài trời	18	
6	Bàn ghế đúng quy cách	Đủ số lượng cho trẻ học	

IX	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)			
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em
			Chung	Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	160		0.5

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XIV	Tường rào xây	x	

Quận 5, ngày 23 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN THANH THÚY

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học : 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35	24	11		05	18	02	01	09	
I	Giáo viên	20	20			02	16	02	00		
II	Cán bộ quản lý	03	03			03					
1	Hiệu trưởng	01	01			01					
2	Phó hiệu trưởng	02	02			02					
III	Nhân viên	12	01	11			02		01	09	
1	Nhân viên văn thư	0									
2	Nhân viên kế toán	01	01				01				
3	Thủ quỹ	01	01				01				
4	Nhân viên y tế	01	01						01		
5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên khác	09	00	09					00	09	

Quận 5, ngày 23 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG MẦM NON 11 QUẬN 5
NGUYỄN THANH THÚY